

SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG NGHIỆP: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU TẠI HUYỆN PHONG ĐIỀN, CẦN THƠ

Nguyễn Thị Huỳnh Phương¹, Hoàng Thị Diệu Thúy²

Ngày nhận bài: 18/07/2024

Ngày nhận bản sửa: 25/08/2024

Ngày duyệt đăng: 30/09/2024

Tóm tắt. Mục tiêu chính của nghiên cứu này là phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch nông nghiệp tại huyện Phong Điền, Cần Thơ. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng bao gồm phương pháp khảo sát thực địa và tiến hành phỏng vấn 165 người dân địa phương tham gia phát triển du lịch nông nghiệp. Phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy tuyến tính bội được sử dụng trong nghiên cứu này. Kết quả chỉ ra có 6 nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân địa phương, bao gồm nhận thức của người dân về du lịch, nguồn lực của hộ gia đình, lợi ích mang lại từ du lịch, vốn xã hội, cơ sở hạ tầng và chính sách của địa phương. Dựa trên những phát hiện này, nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị nhằm tăng cường sự tham gia của người dân trong phát triển du lịch nông nghiệp tại huyện Phong Điền, từ đó giúp nâng cao thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương.

Từ khóa: Sự tham gia của người dân; Du lịch nông nghiệp; Phong Điền; Cần Thơ

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh Việt Nam là một quốc gia có ngành nông nghiệp phát triển, với khoảng 61% dân số sống ở nông thôn và làm nông nghiệp (World Bank, 2023), phát triển du lịch nông nghiệp (DLNN) là một chiến lược quan trọng để đa dạng hóa kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của người dân. Tại Cần Thơ, một trong những trung tâm kinh tế và văn hóa của Đồng bằng sông Cửu Long, DLNN đã và đang được xem là một trong những hướng phát triển quan trọng. Sự tham gia của người dân địa phương vào các hoạt động DLNN đã góp phần đáng kể vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời mang lại nguồn thu nhập ổn định cho người dân (UBND Cần Thơ, 2022). Huyện Phong Điền được mệnh danh là vùng đất

¹Trường Du lịch, Đại học Huế, email: nguyenthihuynhphuong@hueuni.edu.vn

¹Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

²Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế

cây lành trái ngọt, vành đai xanh của Cần Thơ. Huyện có nhiều lợi thế để phát triển DLNN như các vườn trái cây đặc sản, phong cảnh thanh bình, thiên nhiên xanh mát, vùng sông nước hiền hòa và con người thân thiện. Mặt khác, loại hình DLNN tại huyện Phong Điền đang được chính quyền Cần Thơ chú trọng đầu tư phát triển. Dù tiềm năng DLNN tại huyện Phong Điền là rất lớn nhưng hiện tại vẫn chưa có những bước phát triển đột phá và sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển DLNN vẫn còn hạn chế. Từ những phân tích trên cho thấy, việc nghiên cứu đánh giá thực trạng phát triển DLNN tại huyện Phong Điền là thật sự cấp thiết trên phương diện thực tiễn. Nghiên cứu này nhằm mục tiêu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển DLNN tại huyện Phong Điền, từ đó có những khuyến nghị nhằm tăng cường sự tham gia của người dân địa phương, nhằm tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người dân, góp phần phát triển du lịch kinh tế địa phương vững mạnh.

2. Cơ sở lý luận và mô hình nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về DLNN và sự tham gia của người dân trong phát triển du lịch

DLNN được xem như một chiến lược để tăng cường phát triển nông nghiệp ở vùng nông thôn bởi DLNN có thể nâng cao sức hấp dẫn và nhu cầu của khách hàng đối với các sản phẩm địa phương, từ đó thúc đẩy tiếp thị sản phẩm của vùng (Lupi và cộng sự, 2017). Những người nông dân đang tìm kiếm các lựa chọn hoạt động thay thế để tạo ra nguồn thu nhập mới (Van Zyl & Van der Merwe, 2021; Holland và cộng sự, 2022) thông qua bán hàng và liên kết với các hoạt động, trải nghiệm dựa trên DLNN. DLNN tạo ra cơ hội để người dân địa phương tham gia trực tiếp vào các hoạt động du lịch (Bhatta và cộng sự, 2019; Canovi & Lyon, 2020), từ đó nâng cao kỹ năng, tăng cường kiến thức và cải thiện chất lượng cuộc sống (Hanh, 2016; Nguyen, 2021; Dinh và cộng sự, 2022; Aditya và cộng sự, 2023).

Sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch giúp xây dựng mối quan hệ xã hội mạnh mẽ và tăng cường hỗ trợ giữa các thành viên trong cộng đồng, từ đó thúc đẩy sự phát triển du lịch bền vững (Ammirato và cộng sự, 2020, Busby & Rendle, 2021). Ngoài ra, sự tham gia của cộng đồng địa phương là cần thiết để bảo vệ và thúc đẩy giá trị văn hóa, truyền thống và di sản trong các hoạt động DLNN (Lupi và cộng sự, 2017; Jungprawate, 2018). Việc phát triển DLNN mở ra cơ hội việc làm mới, giúp giảm thiểu nghèo đói và tăng thu nhập cho các hộ gia đình địa phương (Bandit, 2009; Francis, 2024). Việc nghiên cứu và hiểu rõ vai trò của người dân địa phương giúp xây dựng các mô hình DLNN hiệu quả hơn, giúp người dân có thể tham gia một cách tích cực và hưởng lợi trực tiếp từ các hoạt động du lịch. Do đó, đã có nhiều nghiên cứu

phân tích, đánh giá về các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch (Đỗ Thiện Toàn và cộng sự, 2016; Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, 2016; Giaccio và cộng sự, 2018; Ngô Thị Liên, 2018; Nguyễn Bùi Anh Thư và cộng sự, 2019; Ngô Thị Huyền Trang, 2020; Nguyễn Thị Quỳnh Hương và cộng sự, 2020; Nguyen, 2021; Dinh và cộng sự, 2022; Chen và cộng sự, 2023; Noel & Janice, 2023; Giorgi và cộng sự, 2023; Hai và cộng sự, 2023). Nhìn chung, sự đa dạng của các nhân tố này phụ thuộc vào bối cảnh địa phương và mức độ phát triển của điểm đến du lịch.

2.2. Phát triển các giả thuyết nghiên cứu

2.2.1. Nhận thức của người dân về du lịch

Dựa trên lý thuyết trao đổi xã hội (SET), mối quan hệ giữa nhận thức của người dân địa phương về tác động của du lịch và sự hỗ trợ của họ đối với ngành này là một mối quan hệ tương quan. Cụ thể, nhận thức tích cực về các lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường sẽ dẫn đến sự ủng hộ mạnh mẽ đối với sự phát triển du lịch và ngược lại (Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, 2016; Nguyễn Bùi Anh Thư và cộng sự, 2019; Ngô Thị Huyền Trang, 2020; Noel & Janice, 2023; Giorgi và cộng sự, 2023).

Giả thuyết H₁: Nhận thức của người dân về du lịch có ảnh hưởng thuận chiều (+) đến sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển DLNN tại huyện Phong Điền, Cần Thơ.

2.2.2. Nguồn lực của hộ gia đình

Năng lực tài chính, nguồn nhân lực của hộ và cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện sẵn có hoặc dễ trang bị của hộ là những nguồn lực mà hộ gia đình dễ dàng tham gia trong phát triển du lịch (Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, 2016; Ngô Thị Liên, 2018; Nguyen, 2021, Dinh và cộng sự, 2022). Giả thuyết được phát biểu như sau:

Giả thuyết H₂: Nguồn lực của hộ gia đình có ảnh hưởng thuận chiều (+) đến sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển DLNN tại huyện Phong Điền, Cần Thơ.

2.2.3. Lợi ích mang lại từ du lịch

Theo Yung-Lun và cộng sự (2023), lợi ích mang lại từ du lịch được xét trên 4 quan điểm: kinh tế, văn hóa – xã hội, môi trường, giải trí – giáo dục. Lợi ích kinh tế tác động đáng kể đến sự tham gia của người dân trong phát triển du lịch như tạo thêm công việc làm, tăng thu nhập, đầu tư (Đỗ Thiện Toàn và cộng sự, 2016; Giaccio và cộng sự, 2018; Nguyễn Bùi Anh Thư và cộng sự, 2019; Dinh và cộng sự, 2022; Hai và cộng sự, 2023). Ngoài ra, Ngô Thị Huyền Trang (2020) đã chỉ ra khi tham gia phát triển du lịch, người dân sẽ có lợi ích về học tập như được nâng cao trình độ ngoại ngữ, tăng kỹ năng

quản lý, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm. Trong nghiên cứu này, lợi ích mang lại từ du lịch tác giả tập trung ở lợi ích kinh tế và lợi ích học tập của người dân địa phương. Giả thuyết được phát biểu như sau:

Giả thuyết H₃: Lợi ích mang lại từ du lịch có ảnh hưởng thuận chiều (+) đến sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển DLNN tại huyện Phong Điền, Cần Thơ.

2.2.4. *Vốn xã hội*

Theo Bourdieu (2018), vốn xã hội là các nguồn lực tồn tại trong các mối liên hệ giữa các cá nhân, tổ chức (gọi chung là chủ thể), thông qua đó mang lại lợi ích cho các chủ thể. Nghiên cứu của Đỗ Thiện Toàn và cộng sự (2016), Nguyễn Thị Quỳnh Hương và cộng sự (2020), Nguyen (2021), Dinh và cộng sự (2022), Chen và cộng sự (2023) cho thấy vốn xã hội có tác động đến sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch. Giả thuyết được phát biểu như sau:

Giả thuyết H₄: Vốn xã hội có ảnh hưởng thuận chiều (+) đến sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển DLNN tại huyện Phong Điền, Cần Thơ.

2.2.5. *Cơ sở hạ tầng du lịch*

Cơ sở hạ tầng du lịch bao gồm: Hệ thống giao thông; Hệ thống cung cấp nước sạch và điện; Phương tiện truyền thông và liên lạc; Hệ thống xử lý chất thải; nhà ga, bến xe (Masayu và cộng sự, 2024). Nghiên cứu của Đỗ Thiện Toàn và cộng sự (2016) cho rằng biến cơ sở hạ tầng có ảnh hưởng đến quyết định tham gia của người dân địa phương. Giả thuyết được phát biểu như sau:

Giả thuyết H₅: Cơ sở hạ tầng du lịch có ảnh hưởng thuận chiều (+) đến sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển DLNN tại huyện Phong Điền, Cần Thơ.

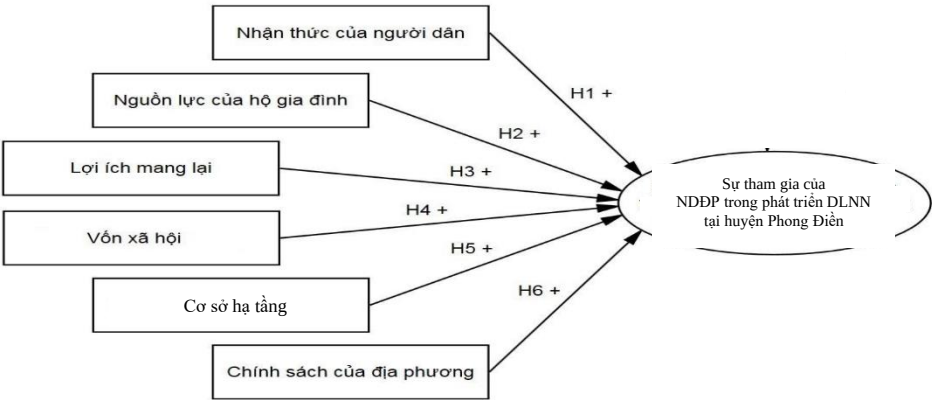
2.2.6. *Chính sách của địa phương*

Các nghiên cứu của Đỗ Thiện Toàn và cộng sự (2016), Nguyễn Bùi Anh Thư và cộng sự (2019), Nguyễn Thị Quỳnh Hương và cộng sự (2020) và Ngô Thị Huyền Trang (2020) đã chứng minh khi chính sách hỗ trợ của chính quyền địa phương cung cấp những nguồn lực cần thiết, người dân có thể cảm thấy rằng họ có đủ khả năng để thành công trong việc phát triển du lịch; ngược lại, nếu người dân cảm thấy thiếu hỗ trợ họ có thể sẽ không muốn tham gia (Nguyen, 2021; Dinh và cộng sự, 2022). Giả thuyết được phát biểu như sau:

Giả thuyết H₆: Chính sách địa phương có ảnh hưởng thuận chiều (+) đến sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển DLNN tại huyện Phong Điền, Cần Thơ.

2.3. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Với các giả thuyết nghiên cứu được nêu trên, nhóm tác giả thể hiện các mối quan hệ các nhân tố độc lập và nhân tố phụ thuộc thông qua mô hình nghiên cứu đề xuất (Hình 1) và các tiêu chí, biến quan sát (Bảng 1) dưới đây:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất, 2024

Bảng 1. Tiêu chí và biến quan sát trong mô hình nghiên cứu

Tiêu chí	Biến quan sát	Nguồn
Nhận thức của người dân về du lịch	Tài nguyên du lịch tại huyện là độc đáo và phong phú; Các sản phẩm du lịch tại huyện là đa dạng; Giá cả các sản phẩm, dịch vụ du lịch tại huyện là hợp lý; Huyện là điểm đến đảm bảo an toàn, an ninh	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, 2016; Nguyễn Bùi Anh Thư và cộng sự, 2019; Ngô Thị Huyền Trang, 2020; Noel & Janice, 2023; Giorgi và cộng sự, 2023
Nguồn lực của hộ gia đình	Nguồn lực tài chính của hộ là đảm bảo; Nguồn nhân lực của hộ là ổn định; Hộ có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương tiện cần thiết; Các thành viên của hộ có trình độ và kiến thức về tài nguyên du lịch địa phương là đảm bảo	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, 2016; Ngô Thị Liên, 2018; Nguyen, 2021; Dinh và cộng sự, 2022
Lợi ích mang lại từ du lịch	Lợi ích về tài chính; Thu hút được nhiều nguồn đầu tư khác; Nâng cao trình độ ngoại ngữ; Nâng cao kỹ năng quản lý và kinh doanh	Đỗ Thiện Toàn và cộng sự, 2016; Giaccio và cộng sự, 2018; Nguyễn Bùi Anh Thư và cộng sự, 2019; Dinh và cộng sự, 2022; Hai và cộng sự, 2023
Vốn xã hội	Người dân trong vùng luôn hợp tác; Mối quan hệ tốt với chính quyền, công ty du lịch; Gia đình, bạn bè khuyến khích tham gia làm du lịch; Nhận thấy sự thành công của người dân ở địa phương khác tham gia phát triển DLNN	Đỗ Thiện Toàn và cộng sự, 2016; Nguyễn Thị Quỳnh Hương và cộng sự, 2020; Nguyen, 2021; Dinh và cộng sự, 2022; Chen và cộng sự, 2023

Cơ sở hạ tầng du lịch	Hệ thống giao thông thuận lợi; Hệ thống điện, nước và mạng viễn thông ổn định; Hệ thống xử lý rác và chất thải phù hợp; Có nhiều nhà vệ sinh công cộng sạch sẽ	Đỗ Thiện Toàn và cộng sự, 2016
Chính sách của địa phương	Chính quyền cung cấp thông tin và hỗ trợ kịp thời; Cơ chế quản lý và thủ tục hành chính đơn giản và thuận tiện; Chính sách của địa phương là công bằng, minh bạch về việc chia sẻ lợi ích; Chính sách phát triển du lịch phù hợp với điều kiện thực tiễn của huyện	Đỗ Thiện Toàn và cộng sự, 2016; Nguyễn Bùi Anh Thư và cộng sự, 2019; Nguyễn Thị Quỳnh Hương và cộng sự, 2020; Ngô Thị Huyền Trang, 2020; Nguyen, 2021, Đinh và cộng sự, 2022
Sự tham gia của người dân	Tôi (và gia đình) khuyến khích, ủng hộ mọi người khác nên tham gia phát triển DLNN tại địa phương; Tôi (và gia đình) nghĩ rằng việc tham gia phát triển DLNN như là một sự thành công; Tôi (và gia đình) hài lòng đối với lựa chọn tham gia phát triển DLNN; Tôi (và gia đình) tự hào khi cùng địa phương quảng bá hình ảnh đất nước Việt Nam	Masud, 2016; Menon, 2019; nhóm tác giả bổ sung

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp, 2024

3. Phương pháp nghiên cứu

Nhóm tác giả đã thực hiện nghiên cứu định tính bằng kỹ thuật thảo luận nhóm để xây dựng bảng hỏi nhằm phục vụ cho công tác khảo sát người dân địa phương bằng thang đo Likert 5 cấp độ: 1) Rất không đồng ý, 2) Không đồng ý, 3) Không ý kiến, 4) Đồng ý, và 5) Rất đồng ý (Bảng 1). Sau đó, nhóm tác giả thực hiện thu thập số liệu sơ cấp bằng cách khảo sát trực tiếp người dân địa phương đã và đang tham gia hoạt động DLNN tại huyện Phong Điền theo phương pháp chọn mẫu phi xác suất (thuận tiện).

Xác định cỡ mẫu: Theo Hair và cộng sự (2006, trích dẫn bởi Nguyễn Đình Thọ, 2011), số quan sát phải lớn hơn 100 và có tỷ lệ tối thiểu là 5:1 so với số biến đo lường. Nghiên cứu sử dụng 24 biến đo lường vì vậy số phiếu tối thiểu cần thu thập là $24 \times 5 = 120$ quan sát. Để phân tích hồi quy tuyến tính bội, theo Tabachnick & Fidell (1996), thì cỡ mẫu tối thiểu cần đạt được tính theo công thức là $n = 50 + 8 \times m$ (m: số biến độc lập). Đối với nghiên cứu này, số biến độc lập là 6 vì vậy cỡ mẫu dự kiến là $50 + 8 \times 6 = 98$ quan sát. Tổng hợp hai căn cứ trên, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 170 người dân đang tham gia phát triển DLNN tại huyện Phong Điền, Cần Thơ. Sau khi kiểm tra và làm sạch dữ liệu, nhóm tác giả giữ lại 165 phiếu khảo sát để phân tích và đánh giá cho nghiên cứu.

Nghiên cứu sử dụng thống kê mô tả để đánh giá mức độ tham gia của người dân, dùng hệ số Cronbach's Alpha để kiểm tra độ tin cậy các thang đo, phân tích nhân tố khám phá (EFA) để kiểm tra tính hội tụ và phân biệt của từng nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân, phân tích tương quan và hồi quy tuyến bội để đánh giá mức độ tác động của từng nhân tố đến sự tham gia của người dân địa phương vào hoạt động này (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008). Nhóm tác giả dựa vào kết quả phân tích giá trị trung bình của các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân và kết quả phân tích kinh tế lượng đối với các nhân tố để xây dựng các giải pháp nâng cao sự tham gia của người dân trong phát triển DLNN tại huyện Phong Điền trong thời gian sắp tới.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch nông nghiệp tại huyện Phong Điền

Kiểm định độ tin cậy thang đo

Để kiểm định độ tin cậy của thang đo nghiên cứu, nhóm tác giả sử dụng phân tích thông qua hệ số Cronbach's Alpha. Như đã trình bày tại phần mở đầu, hệ số Cronbach's Alpha phải từ 0,7 trở lên thì thang đo có đủ độ tin cậy để thực hiện các bước nghiên cứu tiếp theo. Kết quả cho thấy các thang đo đều có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,7. Các thang đo này có độ tin cậy và sử dụng được trong nghiên cứu. Ngoài ra, kết quả phân tích cho thấy hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đều lớn hơn 0,3. Đồng thời, nhóm tác giả cũng nhận thấy có 2 biến quan sát là VOXH15 và NLDP19 có hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến lớn hơn hệ số Cronbach's Alpha biến tổng. Tuy nhiên, sự chênh lệch là không nhiều và biến tổng cũng đã có đủ độ tin cậy (lớn hơn 0,7). Vì vậy, 2 biến quan sát này được giữ lại trong mô hình để phân tích nhân tố khám phá (EFA).

Phân tích nhân tố khám phá đối với các biến độc lập

Nhóm tác giả thực hiện phân tích nhân tố khám phá đối với biến độc lập bằng cách sử dụng phép trích PCA (Principal Components Analysis) và phép quay vuông góc Varimax. Hệ số tải nhân tố được nhóm tác giả chọn là 0,5. Kết quả phân tích nhân tố (EFA) đối với các biến độc lập, nhóm tác giả thu được các kết quả như sau:

Kiểm định KMO và kiểm định Bartlett: Kết quả cho thấy trị số $KMO = 0,789 > 0,5$ và mức độ ý nghĩa của kiểm định Bartlett là $Sig. = 0,000 < 0,05$. Như vậy, các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể.

Giá trị Eigenvalues: Giá trị Eigenvalues đại diện cho phần biến thiên được giải thích bởi mỗi nhân tố, chỉ có nhân tố nào có Eigenvalues lớn hơn 1,00 mới được giữ lại

trong mô hình phân tích. Với kết quả phân tích nhân tố khám phá cho ra 06 nhân tố có giá trị Eigenvalue $> 1,00$.

Phương sai trích: Phân tích nhân tố được xem là thích hợp nếu tổng phương sai trích không được nhỏ hơn 50%. Kết quả phân tích nhân tố khám phá cho thấy có 6 nhân tố được rút ra. Với giá trị tải nhân tố $> 0,5$ của mỗi biến quan sát tại mỗi dòng thì phương sai trích là $70,873\% > 50\%$. Như vậy, 6 nhân tố được trích giải thích được 70,873% độ biến thiên dữ liệu của 24 biến quan sát tham gia vào phân tích nhân tố khám phá.

Phân tích nhân tố khám phá đối với biến phụ thuộc

Thực hiện tương tự các bước như cách phân tích nhân tố khám phá (EFA) với các biến độc lập. Nhóm tác giả đưa biến quan sát SUTG25, SUTG26, SUTG27 và SUTG28 của nhóm biến phụ thuộc vào để chạy EFA và thu được các kết quả như sau:

Kiểm định KMO và kiểm định Bartlett: Kết quả cho thấy trị số KMO = $0,845 > 0,5$ và mức độ ý nghĩa của kiểm định Bartlett là Sig. = $0,001 < 0,05$. Như vậy, các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể.

Giá trị Eigenvalues: Giá trị Eigenvalues đại diện cho phần biến thiên được giải thích bởi mỗi nhân tố, chỉ có nhân tố nào có Eigenvalues lớn hơn 1,00 mới được giữ lại trong mô hình phân tích. Với kết quả phân tích nhân tố khám phá cho ra duy nhất 1 nhân tố có giá trị Eigenvalue $> 1,00$.

Phương sai trích: Kết quả phân tích nhân tố khám phá cho thấy có 1 nhân tố được rút ra. Với giá trị tải nhân tố $> 0,5$ của mỗi biến quan sát tại mỗi dòng thì phương sai trích là $76,914\% > 50\%$. Như vậy, 1 nhân tố được trích giải thích được 76,914% độ biến thiên dữ liệu của 4 biến quan sát tham gia vào phân tích nhân tố khám phá.

Riêng bảng ma trận xoay nhóm tác giả nhận thấy không xuất hiện mà thay vào đó là dòng thông báo: “Chỉ có một nhân tố được trích. Ma trận không thể xoay”. Việc 1 nhân tố được rút ra ở nhóm biến phụ thuộc khi phân tích EFA là điều tốt, có nghĩa là thang đo biến phụ thuộc đó đảm bảo được tính đơn hướng, các biến quan sát của biến phụ thuộc hội tụ khá tốt.

Phân tích tương quan Pearson

Nhằm sớm phát hiện tình trạng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập, nghiên cứu thực hiện phân tích tương quan Pearson. Kết quả cho thấy tất cả các nhân tố độc lập đều có tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc với ý nghĩa thống kê (nhỏ hơn 0,05). Đặc biệt, biến CSDP có hệ số tương quan Pearson là $0,808 > 0,7$. Điều này có nghĩa là biến CSDP tương quan chặt đối với biến SUTG. Ngoài ra, nhóm tác giả cũng nhận thấy các biến độc lập cũng có sự tương quan tuyến tính với nhau với ý nghĩa thống kê tuy nhiên

hệ số tương quan Pearson khá nhỏ (dưới 0,5), vì vậy giữa các biến này không có hiện tượng đa cộng tuyến.

Phân tích hồi quy tuyến tính bội

Mục đích thực hiện phân tích hồi quy tuyến tính bội nhằm xem xét mức độ tác động và độ giải thích của các nhân tố đối với biến phụ thuộc (Bảng 2).

Bảng 2. Bảng kết quả phân tích hồi quy tuyến tính bội

Nhân tố	Hệ số hồi quy chuẩn hoá	Thông kê t	Mức ý nghĩa	Độ chấp nhận	VIF
Hằng số		-3,513	0,001		
NTND	0,190	3,713	0,000	0,548	1,826
NLGD	0,127	3,017	0,003	0,812	1,232
LIML	0,128	2,849	0,005	0,711	1,407
VOXH	0,145	3,660	0,000	0,918	1,089
CSHT	0,105	2,578	0,011	0,865	1,156
CSDP	0,521	10,216	0,000	0,553	1,808
R ² điều chỉnh					0,764
Giá trị F					89,724
Mức ý nghĩa của mô hình					0,001

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát từ người dân địa phương năm 2024, n =165

Đánh giá độ phù hợp của mô hình hồi quy

Kết quả phân tích ANOVA cho thấy giá trị của kiểm định F = 89,724 và có hệ số Sig. = 0,001 nên với mức ý nghĩa 1% có thể kết luận mô hình hồi quy được xây dựng là hoàn toàn phù hợp với dữ liệu và có thể sử dụng để đánh giá mô hình nghiên cứu.

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính bội tại Bảng 2, nhóm tác giả nhận thấy R² = 0,764. Điều này có nghĩa là mô hình hồi quy tuyến tính này phù hợp với tập dữ liệu ở mức 76,4%. Nói cách khác, 76,4% biến thiên của biến phụ thuộc được giải thích bởi các biến độc lập, còn 23,6% còn lại là các sai số đo lường, có thể do cách thu thập dữ liệu cỡ mẫu chưa đủ lớn và có thể do có biến độc lập khác giải thích cho biến phụ thuộc mà chưa được vào mô hình nghiên cứu.

Hệ số phóng đại phương sai (VIF) là một chỉ số đánh giá hiện tượng cộng tuyến trong mô hình hồi quy. VIF càng nhỏ, càng ít khả năng xảy ra đa cộng tuyến. Ngưỡng VIF từ 10 trở lên sẽ xảy ra đa cộng tuyến mạnh. Ở nghiên cứu này, hệ số phóng đại phương sai ở tất cả các nhân tố đều < 2. Vì vậy, nhóm tác giả có thể kết luận không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các nhân tố.

Dựa vào Bảng 2, nhóm tác giả nhận thấy mức ý nghĩa của 6 nhân tố đều có giá trị $\text{sig} < 0,05$. Điều này có nghĩa là 6 biến độc lập này có ý nghĩa thống kê. Mô hình hồi quy về sự tham gia của người dân trong phát triển DLNN tại huyện Phong Điền được hình thành như sau: $\text{SUTG} = 0,521 \times \text{CSDP} + 0,190 \times \text{NTND} + 0,145 \times \text{VOXH} + 0,128 \times \text{LIML} + 0,127 \times \text{NLGD} + 0,105 \text{CSHT} + e_i$

Trong đó: e_i là các sai số đo lường, biến độc lập khác mà chưa đưa vào mô hình.

Dựa vào hệ số hồi quy (Beta) chuẩn hoá trong Bảng 2, nhóm tác giả thảo luận kết quả nghiên cứu như sau:

a) Nhân tố “*Chính sách địa phương*” có hệ số Beta chuẩn hoá là 0,521. Nhân tố này tác động mạnh nhất đến sự tham gia của người dân trong phát triển DLNN tại huyện Phong Điền, Cần Thơ với độ tin cậy là 99%. Kết quả nghiên cứu này có điểm tương đồng với các nghiên cứu của Đỗ Thiện Toàn và cộng sự (2016), Nguyễn Bùi Anh Thư và cộng sự (2019), Nguyễn Thị Quỳnh Hương và cộng sự (2020), Ngô Thị Huyền Trang (2020), Nguyen (2021), Dinh và cộng sự (2022), tức là nhân tố “*Chính sách địa phương*” tác động thuận chiều đến hành vi tham gia DLNN của người dân địa phương.

b) Nhân tố “*Nhận thức của người dân*” có hệ số Beta chuẩn hoá là 0,190. Nhân tố này tác động mạnh thứ hai đến sự tham gia của người dân trong phát triển DLNN tại huyện Phong Điền, Cần Thơ với độ tin cậy là 99%. Kết quả nghiên cứu này có điểm tương đồng với các nghiên cứu của Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2016), Nguyễn Bùi Anh Thư và cộng sự (2019), Ngô Thị Huyền Trang (2020), Noel & Janice (2023), Giorgi và cộng sự (2023), tức là nhân tố “*Nhận thức của người dân*” tác động thuận chiều đến hành vi tham gia DLNN của người dân địa phương.

c) Nhân tố “*Vốn xã hội*” có hệ số Beta chuẩn hoá là 0,145. Nhân tố này tác động mạnh thứ ba đến sự tham gia của người dân trong phát triển DLNN tại huyện Phong Điền, Cần Thơ với độ tin cậy là 99%. Kết quả nghiên cứu này có điểm tương đồng với các nghiên cứu của Đỗ Thiện Toàn và cộng sự (2016), Nguyễn Thị Quỳnh Hương và cộng sự (2020), Nguyen (2021), Dinh và cộng sự (2022), Chen và cộng sự (2023), tức là nhân tố “*Vốn xã hội*” tác động thuận chiều đến hành vi tham gia DLNN của người dân địa phương.

d) Nhân tố “*Lợi ích mang lại từ du lịch*” có hệ số Beta chuẩn hoá là 0,128. Nhân tố này tác động mạnh thứ tư đến sự tham gia của người dân trong phát triển DLNN tại huyện Phong Điền, Cần Thơ với độ tin cậy là 99%. Kết quả nghiên cứu này có điểm tương đồng với các nghiên cứu Đỗ Thiện Toàn và cộng sự (2016), Giaccio và cộng sự (2018), Nguyễn Bùi Anh Thư và cộng sự (2019), Dinh và cộng sự (2022), Hai và cộng

sự (2023), tức là nhân tố “Lợi ích mang lại từ du lịch” tác động thuận chiều đến hành vi tham gia DLNN của người dân địa phương.

e) Nhân tố “*Nguồn lực của hộ gia đình*” có hệ số Beta chuẩn hoá là 0,127. Nhân tố này tác động mạnh thứ năm đến sự tham gia của người dân trong phát triển DLNN tại huyện Phong Điền, Cần Thơ với độ tin cậy là 99%. Kết quả nghiên cứu này có điểm tương đồng với các nghiên cứu của Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2016), Ngô Thị Liên (2018), Nguyen (2021), Dinh và cộng sự (2022), tức là nhân tố “*Nguồn lực của hộ gia đình*” tác động thuận chiều đến hành vi tham gia DLNN của người dân địa phương.

f) Nhân tố “*Cơ sở hạ tầng du lịch*” có hệ số Beta chuẩn hoá là 0,105. Nhân tố này tác động yếu nhất đến sự tham gia của người dân trong phát triển DLNN tại huyện Phong Điền, Cần Thơ với độ tin cậy là 95%. Kết quả nghiên cứu này có điểm tương đồng với các nghiên cứu của Đỗ Thiện Toàn và cộng sự (2016) tức là nhân tố “*Cơ sở hạ tầng du lịch*” tác động thuận chiều đến hành vi tham gia DLNN của người dân địa phương.

Kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Từ kết quả phân tích hồi quy tuyến tính bội, nhóm tác giả tổng hợp lại các giả thuyết ban đầu đã được phát biểu Bảng 3 dưới đây.

Bảng 3. Bảng kết quả kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết	Nhân tố	Mức ý nghĩa	Kết luận
H ₁	Nhận thức của người dân	0,000	Chấp nhận
H ₂	Nguồn lực của hộ gia đình	0,003	Chấp nhận
H ₃	Lợi ích mang lại từ du lịch	0,005	Chấp nhận
H ₄	Vốn xã hội của địa phương	0,000	Chấp nhận
H ₅	Cơ sở hạ tầng du lịch	0,011	Chấp nhận
H ₆	Chính sách của địa phương	0,000	Chấp nhận

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát từ người dân địa phương năm 2024, n =165

Như vậy, nghiên cứu đã chỉ ra chỉ có 6 nhân tố có ảnh hưởng thuận chiều đến sự tham gia của người dân trong phát triển DLNN tại huyện Phong Điền, Cần Thơ với mức độ tin cậy là 95%.

4.2. Mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển DLNN tại huyện Phong Điền

Nghiên cứu thực hiện khảo sát 165 người dân địa phương bằng thang đo Likert 5 mức độ để đo lường. Để thuận tiện xếp loại từng biến quan sát, nhóm tác giả phân loại dựa trên điểm trung bình của từng biến quan sát như sau: Từ 1,00 đến 1,80: Rất không

tốt; Từ 1,80 đến 2,60: Không tốt; Từ 2,60 đến 3,40: Bình thường; Từ 3,40 đến 4,20: Tốt; Từ 4,20 đến 5,00: Rất tốt. Kết quả thống kê được thể hiện như sau:

Kết quả phân tích thống kê mô tả trung bình đối với nhân tố “*Nhận thức của người dân về du lịch*” cho thấy biến quan sát “Tài nguyên du lịch tại huyện là độc đáo và phong phú” có điểm trung bình là 3,46 cao nhất thang đo nhận thức này. Đồng thời, biến quan sát “Giá cả các sản phẩm, dịch vụ du lịch tại huyện là hợp lý” có điểm trung bình là 3,39 thấp nhất thang đo. Để cải thiện thang đo, huyện Phong Điền cần tiếp tục duy trì và phát huy thế mạnh sẵn có về tài nguyên du lịch. Đồng thời, huyện cần thường xuyên kiểm tra, niêm yết giá cả đối với các sản phẩm, dịch vụ du lịch nhằm đảm bảo phù hợp với nhu cầu của du khách và hộ kinh doanh du lịch trên địa bàn.

Đối với nhân tố “*Nguồn lực của hộ gia đình*” cho thấy biến quan sát “Các thành viên của hộ có trình độ và kiến thức về tài nguyên du lịch địa phương là đảm bảo” có điểm trung bình là 3,50 cao nhất thang đo nhận thức này. Đồng thời, biến quan sát “Nguồn lực tài chính của hộ là đảm bảo” có điểm trung bình là 3,36 thấp nhất thang đo. Huyện Phong Điền cần có những chính sách để hỗ trợ tài chính cho người dân vay với lãi suất ưu đãi trong thời gian sắp tới.

Đối với nhân tố “*Lợi ích mang lại từ du lịch*” cho thấy biến quan sát “Nâng cao kỹ năng quản lý và kinh doanh” có điểm trung bình là 3,50 cao nhất thang đo nhận thức này. Đồng thời, biến quan sát “Nâng cao trình độ ngoại ngữ” có điểm trung bình là 3,32 thấp nhất thang đo. Huyện Phong Điền cần có những chính sách đào tạo để nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người dân địa phương khi tham gia trong phát triển DLNN.

Đối với nhân tố “*Vốn xã hội*” cho thấy biến quan sát “Gia đình, bạn bè khuyến khích tham gia làm du lịch” có điểm trung bình là 4,12 cao nhất thang đo nhận thức này. Đồng thời, biến quan sát “Nhận thấy sự thành công của người dân ở địa phương khác tham gia phát triển DLNN” có điểm trung bình là 2,76 thấp nhất thang đo. Huyện Phong Điền cần tiếp tục thực hiện các công tác tuyên truyền hoặc tổ chức những mô hình trải nghiệm về sự thành công của người dân ở địa phương khác tham gia vào phát triển du lịch cũng như gắn kết người dân trong khu vực cùng nhau hợp tác để phát triển.

Đối với nhân tố “*Cơ sở hạ tầng du lịch*” cho thấy biến quan sát “Hệ thống xử lý rác và chất thải phù hợp” có điểm trung bình là 4,28 cao nhất thang đo nhận thức này. Đồng thời, biến quan sát “Có nhiều nhà vệ sinh công cộng sạch sẽ” có điểm trung bình là 2,58 thấp nhất thang đo. Huyện Phong Điền cần xây dựng những giải pháp để đảm bảo các nhà vệ sinh công cộng đạt tiêu chuẩn phục vụ du khách trong thời gian sắp tới.

Đối với nhân tố “*Chính sách của địa phương*” cho thấy biến quan sát “Chính quyền cung cấp thông tin và hỗ trợ kịp thời” có điểm trung bình là 3,44 cao nhất thang

đo nhận thức này. Đồng thời, biến quan sát “Chính sách của địa phương là công bằng, minh bạch về việc chia sẻ lợi ích” có điểm trung bình là 3,38 thấp nhất thang đo. Huyện Phong Điền cần xây dựng các chính sách nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch về việc chia sẻ lợi ích để mọi người tham gia vào phát triển du lịch được yên tâm phát triển.

5. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Kết luận

Sự tham gia của người dân địa phương là điều kiện quan trọng thúc đẩy phát triển du lịch bền vững tại các điểm đến du lịch. Trên cơ sở nghiên cứu trường hợp tại huyện Phong Điền, nhóm tác giả đã phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân địa phương vào hoạt động du lịch bằng phương pháp phân tích nhân tố khám phá và hồi quy tuyến tính bội. Kết quả cho thấy sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển DLNN tại huyện Phong Điền chịu ảnh hưởng của 06 nhân tố và thứ tự ảnh hưởng như sau: (1) Nhận thức của người dân về du lịch, (2) Nguồn lực của hộ gia đình, (3) Lợi ích mang lại từ du lịch, (4) Vốn xã hội, (5) Nguồn lực địa phương, và (6) Chính sách của địa phương.

Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo: nghiên cứu chỉ khảo sát những cá nhân đã tham gia hoạt động DLNN nên khó xác định được các nhân tố rào cản. Do đó, hướng nghiên cứu trong tương lai được đề xuất là mở rộng đối tượng mục tiêu để bao gồm những cá nhân có ý định tham gia nhưng vẫn chưa thực hiện. Điều này có thể đạt được thông qua việc sử dụng phân tích hồi quy logistic nhị phân để dự đoán một mô hình toàn diện hơn.

5.2. Khuyến nghị

Đối với chính quyền địa phương

Cần tăng cường hỗ trợ, khuyến khích những hộ gia đình tại địa phương có nguyện vọng tham gia phát triển DLNN. Có định hướng, kế hoạch để khai thác phát triển DLNN địa phương, tạo mối liên kết, hợp tác phát triển với các điểm du lịch trong và ngoài thành phố; kêu gọi, khuyến khích các doanh nghiệp, các đơn vị lữ hành nhằm tạo ra, phát triển sản phẩm du lịch, kết nối các tour, tuyến du lịch, hợp tác xây dựng hình ảnh, quảng bá du lịch địa phương.

Xây dựng các công trình công cộng, tham gia nâng cao ý thức của cộng đồng và du khách trong việc bảo vệ môi trường, thu gom xử lý rác thải, sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường, hướng đến sự bền vững của du lịch địa phương. Đầu tư, cải thiện cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật tại địa phương, đặc biệt là chú trọng bến tàu đường thủy, đường bộ ở Phong Điền.

Đối với người dân tại huyện Phong Điền

Người dân cần chung tay hỗ trợ, kết hợp với chính quyền địa phương và các tổ chức có liên quan thực hiện phát triển DLNN. Các hộ đang tham gia DLNN trên địa bàn cần liên kết lại với nhau, nhằm tạo nên một chuỗi sản phẩm DLNN hấp dẫn hơn. Các hộ cần tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng đào tạo nghiệp vụ về hoạt động du lịch trên địa bàn, học hỏi những mô hình hay, hiệu quả. Bên cạnh đó, thường xuyên kiểm tra trình độ, kỹ năng chuyên môn của nhân viên để có kế hoạch, giải pháp bồi dưỡng, đào tạo định kỳ.

Các hộ tham gia DLNN cần niêm yết rõ ràng các quy định về giá cả du lịch tại các điểm du lịch, bố trí nhân lực giám sát công tác vệ sinh môi trường và an ninh trật tự, an toàn xã hội tại các điểm du lịch.

Đối với khách du lịch

Tuân thủ nội quy, quy định và hướng dẫn về bảo vệ tài nguyên và môi trường tại các khu, điểm du lịch như: bỏ rác thải đúng nơi quy định, hạn chế phát sinh chất thải nhựa và không xâm hại cảnh quan, các loài sinh vật, hiện vật tại các điểm tham quan, khu du lịch, điểm du lịch.

Tài liệu tham khảo

- Aditya, M. K., Arafah, W., Rahmanita, M., & Mariati, S. (2023), 'The Effect of Destination Image and Visitor Experience towards Behavioural Intentions at Rice Field Agritourism', *4th International Conference on Tourism, Gastronomy, and Tourist Destination (TGDIC 2023)* (pp. 190-196), Atlantis Press.
- Ammirato, S., Felicetti, A. M., Raso, C., Pansera, B. A., & Violi, A. (2020), 'Agritourism and Sustainability: What We Can Learn from a Systematic Literature Review', *Sustainability*, 12(22), 9575. doi:10.3390/su12229575
- Bourdieu, P. (2018), 'The forms of capital', In *The sociology of economic life* (pp. 78-92), Routledge.
- Busby, G., & Rendle, S. (2021), 'The Role of Agritourism in Sustaining Family Farms', *Journal of Rural Tourism*, 28(3), 259-274.
- Canovi, M., & Lyon, A. (2020), 'Family-centred motivations for agritourism diversification: The case of the Langhe region, Italy', *Tourism Planning & Development*, 17(6), 591-610.
- Chen, F., Yi, Y., & Zhao, Y. (2023), 'The Effect of Social Capital at the Community and Individual Levels on Farmers' Participation in the Rural Public Goods Provision', *Agriculture*, 13(6), 1247.
- Dinh, H. P., Vo, P. H., Pham, D. N., & Ngo, T. Q. (2022), 'Factors affecting farmers' decisions to participate in agricultural tourism activities: a case study in the Mekong Delta, Vietnam', *AgBioForum*, 24(1), 30-40.

- Đỗ Thiện Toàn, Bùi Văn Trinh và Nguyễn Quốc Nghi (2016), ‘Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia vào hoạt động du lịch vườn sinh thái của hộ gia đình tại huyện Phong Điền, Cần Thơ’, *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, số 46, 12-19.
- Francis, O. E. (2024), ‘Agritourism and Socioeconomic Potentials of Orchards: A case of Laro Yewa Land Ogun State Southwest Nigeria’, *Journal Kepariwisataan: Destinasi, Hospitalitas dan Perjalanan*, 8(1), 10-19.
- Giaccio, V., Giannelli, A. and Mastronardi, L. (2018), ‘Explaining determinants of agritourism income: Evidence from Italy’, *Tourism Review*, vol. 73, no. 2: pp.216-229.
- Giorgi G., Nana, N., Rezhen, H., I. D. A., Iulia, C. M. (2023), ‘Exploring Residents’ Perceptions towards Tourism Development - A Case Study of the Adjara Mountain Area’, *Sustainability*, 15, 492.
- Hai, L. T. D., Huyen, K. N., & Trinh, N. T. T. (2023), ‘Personal Benefits Impact the Support for Agritourism Development Among the Local Community: The Mediating Role of Community Satisfaction and Quality of Life’, *Journal of Law and Sustainable Development*, 11(7).
- Hair, J., Tatham, R., Anderson, R., & Black, W. (2006), *Multivariate Data Analysis* (5th ed.), New Jersey: Pearson Prentice Hall, Schumacher, R.E. and Lomax, R.G. (1996).
- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, Tập 2*, NXB Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Holland, R., Khanal, A. R., & Dhungana, P. (2022), ‘Agritourism as an alternative on-farm enterprise for small us farms: Examining factors influencing the agritourism decisions of small farms’, *Sustainability*, 14(7), 4055.
- Jungprawate, P. (2018), ‘Participation in Developing Agro-tourism Attractions of Local Government Organizations in Pathum Thani and Nakom Nayok Provinces’, *Journal of Cultural Approach*, 19(35), 64-76.
- Masayu, E. A., Sumaryoto, Meirinaldi (2024), ‘The Importance of Tourism Infrastructure in Increasing Domestic and International Tourism’, *International Journal of Research in Vocational Studies*, 3(4):113-122. DOI: 10.53893/ijrvocas.v3i4.46
- Ngô Thị Huyền Trang (2020), ‘Nghiên cứu sự tham gia của người dân trong quản lý phát triển du lịch nông thôn vùng Đông Bắc Việt Nam’, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.
- Ngô Thị Liên (2018), ‘Đánh giá sự tham gia của người dân trong phát triển DLNN sinh thái dựa vào cộng đồng tại Vườn quốc gia Bidoup – Núi Bà’, *Tạp chí Đại học Văn Hiến*, tập 6 (2), 96-102.
- Nguyễn Bùi Anh Thư, Trương Thị Thu Hà và Lê Minh Tuấn (2019), ‘Sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển DLNN sinh thái dựa vào cộng đồng tại Rừng dừa Bảy Mẫu Cẩm Thanh – Hội An’, *Tạp chí khoa học Đại học Huế*, tập 128 (6D), 53-70.
- Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2016), ‘Sự tham gia của cộng đồng địa phương trong phát triển DLNN miền núi: Nghiên cứu điển hình tại Sapa, Lào Cai’, Luận án tiến sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Quỳnh Hương, Đỗ Thị Trang, Đỗ Thị Nguyệt Vang và Nguyễn Hoàng Yên (2020), ‘Các yếu tố tác động đến quyết định tham gia du lịch cộng đồng của người dân

địa phương huyện Lâm Bình, Tỉnh Tuyên Quang’, *Tạp chí khoa học Đại học Tân Trào*, số 6, 102-109.

Nguyen, D. T. (2021), ‘Analysis of factors affecting the income of agritourism farms in Lam Dong Province’, *Science & Technology Development Journal: Economics-Law & Management*, 5(1), 1368-1377.

Noel, B. A., Janice, S. C. (2023), ‘Farmers’ Awareness and Perceptions in Agritourism Participation in Calaanan Bongabon Nueva Ecija: A basis of Marketing Development Plan’, *International Journal of Advanced Engineering, Management and Science (IJAEMS)*, 9(5), 83-87.

Tabachnick, B. G., & Fidell, L. S. (1996), *Using Multivariate Statistics (3rd ed.)*, New York: Harper Collins.

UBND Cần Thơ (2022), *Quyết định phê duyệt đề án “Phát triển DLNN trên địa bàn Cần Thơ giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030”* (QĐ số 774/QĐ-UBND, ngày 22/02/2022).

Van Zyl, C. C., & Van der Merwe, P. (2021), ‘The motives of South African farmers for offering agritourism’, *Open Agriculture*, 6(1), 537-548.

World Bank (2023), *World Development Indicators*, from <https://data.worldbank.org/indicator/SP.RUR.TOTL.ZS?locations=VN>

Yung-Lun, L., Jui-Te, C., Pen-Fa, K. (2023), ‘The benefits of tourism for rural community development’, *Humanities and Social Sciences Communications*, <https://doi.org/10.1057/s41599-023-01610-4>.

RESIDENTS' INVOLVEMENT IN AGRITOURISM DEVELOPMENT:

A CASE STUDY IN PHONG DIEN DISTRICT, CAN THO CITY

Nguyen Thi Huynh Phuong, Hoang Thi Dieu Thuy

Abstract. The primary aim of this research is to evaluate the factors that influence the engagement of residents in the development of agritourism in Phong Dien district, Can Tho city. The research method used a field survey and interviews with 165 local people participating in agritourism development. Exploratory factor analysis and multiple linear regression analysis were applied to analyze the data. The outcomes reveal that there are 6 factors affecting the participation of local people, including people's awareness of tourism, household resources, benefits from tourism, social capital, infrastructure, and local policies. Drawing on these findings, the study presents recommendations to promote the participation of residents in agritourism development in Phong Dien district, thereby fostering the income growth and improving the quality of life for local people.

Keywords: Resident's involvement; Agritourism; Phong Dien; Can Tho.